

Các yếu tố tác động đến tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản: Trường hợp các ngân hàng thương mại Việt Nam

Võ Minh Long¹ và Nguyễn Tấn Lượng
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Bài viết đã làm rõ sự tác động của các nhân tố đến tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Qua đó, tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm cải thiện tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản và khả năng cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong tương lai. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của các ngân hàng thương mại Việt Nam theo thứ tự giảm dần như sau: CIR- Hệ số chi phí hoạt động; SIZE- Quy mô ngân hàng; RISK- Rủi ro tín dụng; INF- Lạm phát; GDP- Tốc độ tăng trưởng kinh tế; CAP- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu; RATE- Lãi suất cho vay; LG- Tốc độ tăng trưởng tín dụng. Yếu tố CAR - Tỷ lệ an toàn vốn không ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của các Ngân hàng thương mại Việt Nam nhưng yếu tố CIR - Hệ số chi phí hoạt động; RISK- Rủi ro tín dụng và INF- Lạm phát ảnh hưởng ngược chiều đến tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản, các ngân hàng thương mại Việt Nam, yếu tố tác động đến tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đi cùng với sự phát triển của kinh tế hàng hóa đó là sự phát triển của các ngân hàng thương mại và trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Với những tiềm năng sẵn có, Việt Nam đang khai thác một cách kịp thời và hiệu quả nhất để hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa xây dựng đất nước với sự đóng góp của nhiều nhân tố, trong đó các ngân hàng thương mại.

Tại Việt Nam, các ngân hàng thương mại được thành lập với những trách nhiệm to lớn đối với nền kinh tế đất nước trong cung cấp vốn cho nền kinh tế, là cầu nối của các doanh nghiệp, là công cụ để Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế và là cầu nối của nền tài chính quốc gia, tài chính quốc tế.

Hiện nay nghiên cứu về tác động đến tỷ suất sinh lời của ngân hàng có khá nhiều tác giả nghiên cứu, một số tác giả trên thế giới có thể kể đến, như: Sreemanta và cộng sự (2021); Kryeziu và cộng sự (2021); Lisa và cộng sự (2021); Bekana (2021); Deepesh (2019); Lema và cộng sự (2019); Elouali và cộng sự (2018); Toto và cộng sự (2018);

Bezawada và cộng sự (2018); Rina và cộng sự (2016); Carelle (2016); Duygu và cộng sự (2015). Việt Nam cũng có một số nghiên cứu điển hình của một số tác giả sau: Nguyễn Thị Thanh Bình và cộng sự (2022); Đặng Thị Minh Nguyệt và cộng sự (2021); Nguyễn Văn Chiến và cộng sự (2021); Trần Huy Hoàng và cộng sự (2016); Nguyễn Việt Hùng (2008); Trịnh Quốc Trung và cộng sự, (2013); Hồ Thị Hồng Minh và cộng sự (2015). Các nghiên cứu này đều được thực hiện ở không gian và thời gian có thể khác nhau nên hàm ý chính sách có ý nghĩa đối với từng đơn vị nghiên cứu. Trong bài viết, tác giả thực hiện nghiên cứu với dữ liệu giai đoạn 2011 - 2022 tại các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm làm cơ sở cho các nhà nghiên cứu có thêm tài liệu tham khảo cũng như các nhà quản trị ngân hàng hoặc hoạch định chính sách đưa ra các chính sách phù hợp.

2. THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

2.1. Lý thuyết về tỷ suất sinh lời

Greuning và cộng sự (2003) [1] cho rằng: "Một hệ thống ngân hàng phát triển bền vững được dựa

Tác giả liên hệ: TS. Võ Minh Long

Email: long.vm@ou.edu.vn

trên tỷ suất sinh lời và nguồn vốn dồi dào. Tỷ suất sinh lời là một chỉ số thể hiện vị thế cạnh tranh của ngân hàng trên thị trường và thể hiện hiệu quả trong quản lý của ngân hàng. Khả năng sinh lời cho phép ngân hàng duy trì một mức độ rủi ro nhất định và cung cấp một tấm chắn chống lại các rủi ro phát sinh trong ngắn hạn”.

Đo lường tỷ suất sinh lời ngân hàng: Để đo lường tỷ suất sinh lời, các ngân hàng cần phải xem xét mức lợi nhuận, khả năng bù đắp chi phí có thể xảy ra. Các chỉ tiêu để đo lường tỷ suất sinh lời của ngân hàng, gồm: tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA), tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) ... [2]. Tuy nhiên, trong bài viết tác giả chỉ tập trung vào biến ROA nên bài viết chỉ giới thiệu cách tính cho tỷ số này.

Công thức:

$$ROA = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Tổng tài sản bình quân}$$

ROA là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý của bất kỳ doanh nghiệp, nó cung cấp cho các nhà đầu tư thông tin về lợi nhuận được tạo ra từ tài sản của doanh nghiệp đó. Đây là chỉ tiêu được sử dụng trong hầu hết các bài nghiên cứu đo lường tỷ suất sinh lời của các loại hình doanh nghiệp. Nếu chỉ tiêu ROA càng cao thì khả năng sinh lời càng cao và ngược lại và tỷ số này phụ thuộc các yếu tố nội tại bên trong ngân hàng và những yếu tố vĩ mô [2].

2.2. Nghiên cứu thực nghiệm

Toto và cộng sự (2018) [3] với nghiên cứu: Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời của các ngân hàng nông thôn ở Indonesia. Nghiên cứu này nhằm phân tích tác động: CPI khu vực, tăng trưởng kinh tế địa phương (GRDP), rủi ro tín dụng, quy mô ngân hàng, hệ số an toàn vốn (CAR), nợ xấu (NPL), tỷ lệ dư trên vốn huy động (LDR), cơ cấu danh mục đầu tư và hiệu quả hoạt động đối với biến phụ thuộc là ROA. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: Tất cả các biến độc lập đều ảnh hưởng đồng thời đến tỷ suất sinh lời của ngân hàng.

Ngoài ra, Brahmaiah và cộng sự (2018) [4] với nghiên cứu: Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời của các ngân hàng ở Ấn Độ với mẫu nghiên cứu có 89 ngân hàng trong giai đoạn 2005 đến 2015. Nhóm nghiên cứu đưa biến ROA và ROE làm đại diện cho việc đo lường tỷ suất sinh lời của các ngân hàng. Kết quả chỉ ra rằng: Tỷ suất

sinh lời bị ảnh hưởng bởi cả các yếu tố bên trong và bên ngoài. Sức mạnh vốn tự có, hiệu quả hoạt động, tỷ lệ tiền gửi khu vực ngân hàng trên tổng sản phẩm quốc nội có tác động tích cực đáng kể đến tỷ suất sinh lời nhưng rủi ro tín dụng, chi phí vốn, tỷ lệ tài sản xấu (NPA) và chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lại cho kết quả ngược lại. Tuy nhiên, quy mô ngân hàng và tỷ lệ các khoản cho vay ưu tiên trên tổng dư nợ không có bất kỳ ảnh hưởng nào đến biến phụ thuộc.

Bên cạnh đó, Ranabhat (2019) [5] với nghiên cứu: Ảnh hưởng của các yếu tố nội tại đến tỷ suất sinh lời của các ngân hàng liên doanh ở Nepal. Bài viết chọn biến ROA và ROE đại diện cho tỷ suất sinh lời của 6 ngân hàng từ năm 2009 đến 2018. Kết quả cho thấy: Có tác động tích cực của lãi suất đến ROA và ROE nhưng quy mô tài sản lại cho kết quả ngược lại với ROA và kết quả tương đồng với biến khả năng thanh khoản và tỷ lệ cho vay tác động đến ROE. Sarkar và cộng sự (2021) [6] với nghiên cứu: Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Ấn Độ. Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu giai đoạn 2000 - 2017 với tham chiếu đặc biệt đến các yếu tố kinh tế vĩ mô. Kết quả chỉ ra rằng: Các biến bên ngoài ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động và những phát hiện này vẫn không thay đổi đối với tất cả các biến kiểm soát.

Ngoài ra, Kryeziu và cộng sự (2021) [7] với nghiên cứu: Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời của ngân hàng: Trường hợp của 19 quốc gia khu vực đồng Euro giai đoạn 2003-2019 với 323 quan sát với phương pháp động thông qua hồi quy hiệu ứng cố định và công cụ ước tính Arellano-Bond GMM được sử dụng. Kết quả cho thấy: Hệ số an toàn vốn (CAR), thanh khoản, nguồn vốn, chất lượng tài sản, nợ xấu và tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời của ngân hàng.

Ngweshemi và cộng sự (2021) [8] với nghiên cứu: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời của ngân hàng: Bằng chứng về các ngân hàng thương mại Tanzania từ năm 2013 đến năm 2019 với phương pháp GMM. Kết quả từ các biến nội bộ ngân hàng, bao gồm: 4 biến có ý nghĩa thống kê là an toàn vốn, chất lượng tài sản, cơ cấu khoản vay và hiệu quả chi phí trong khi các biến còn lại là không đáng kể. Tương tự như vậy, các yếu tố quyết định kinh tế vĩ mô (tăng trưởng sản phẩm quốc nội (GDP) và tỷ lệ lạm phát (INF) được cho là không

đáng kể. Các kết quả thực nghiệm đã chỉ ra rằng: Tỷ suất sinh lời được giải thích bằng các yếu tố quyết định cụ thể của ngân hàng do ban quản lý trực tiếp kiểm soát hơn là các biến nhân tố kinh tế vĩ mô nằm ngoài tầm kiểm soát của ban lãnh đạo.

Tại Việt Nam, Trung và cộng sự (2013) [9] với nghiên cứu: Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam. Dữ liệu từ 39 NHTM Việt Nam giai đoạn 2005-2012 với ROA, ROE là biến phụ thuộc. Kết quả cho thấy: Tổng chi phí hoạt động/doanh thu, tỷ lệ nợ xấu có tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động nhưng tỷ lệ cho vay/tổng tài sản lại cho kết quả ngược lại. Ngoài ra, kết quả cũng cho biết: Tỷ lệ VCSH/tổng tài sản tác động tích cực đến ROA nhưng tiêu cực đến ROE; NHTM nhà nước hoạt động kém hiệu quả hơn so với NHTM khác.

Hoàng và cộng sự (2016) [10] với nghiên cứu: Phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2005 - 2011. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Hiệu quả hoạt động của các NHTM chịu ảnh hưởng bởi hai nhóm nhân tố chính, trong đó nhóm nhân tố chủ quan, bao gồm: Thị phần, rủi ro thanh khoản, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài và quy mô ngân hàng; và nhóm nhân tố khách quan, bao gồm: Tổng thu nhập quốc nội và

lạm phát của nền kinh tế. Các nhân tố tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động, bao gồm: Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài, quy mô ngân hàng và thị phần.

Nguyệt và cộng sự (2021) [11] với nghiên cứu: Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại Nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Bài viết sử dụng dữ liệu giai đoạn 2005 - 2020 với 2 biến phụ thuộc: ROAA và ROEA. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng: Quy mô ngân hàng (BASZ), tỷ lệ nợ xấu tác động tiêu cực lên ROAA và ROEA nhưng năng suất lao động (PROD) lại cho kết quả ngược lại. Kết quả cũng cho biết thêm: Huy động vốn trên tổng vốn chủ sở hữu tác động ngược chiều đến ROEA của các NHTM có vốn Nhà nước chi phối nhưng chưa đủ bằng chứng khoa học về sự tác động của lạm phát đến 2 chỉ tiêu này.

2.3. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào lý thuyết một số nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời với biến đại diện là ROA và các nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước liên quan đến sự tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời. Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu:

$$ROA_{it} = \beta_0 + \beta_1RATE_{it} + \beta_2CAP_{it} + \beta_3LG_{it} + \beta_4RISK_{it} + \beta_5SIZE_{it} + \beta_6CAR_{it} + \beta_7CIR_{it} + \beta_8GDP_{it} + \beta_9INF_{it} + \epsilon_{it}$$

Bảng 1. Mô tả các biến

| Biến | Mô tả | Cách tính |
|------|-----------------------------|---|
| ROA | Tỷ suất sinh lời | Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân |
| RATE | Lãi suất cho vay | Lãi suất cho vay bình quân |
| CAP | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu | Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản |
| LG | Tốc độ tăng trưởng tín dụng | (Dư nợ _t - Dư nợ _{t-1})/Dư nợ _(t-1) |
| RISK | Rủi ro tín dụng | Tỷ lệ dư nợ quá hạn/dư nợ cho vay |
| SIZE | Quy mô ngân hàng | Ln (Tổng tài sản) |
| CAR | Tỷ lệ an toàn vốn | Vốn tự có/Tổng tài sản có rủi ro |
| CIR | Hệ số chi phí hoạt động | Chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động |
| GDP | Tốc độ tăng trưởng kinh tế | (GDP _t - GDP _{t-1})/GDP _{t-1} |
| INF | Lạm phát | (CPI _t - CPI _{t-1})/CPI _{t-1} |

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng cân bằng với số

liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tài chính thường niên đã được kiểm toán của 17

ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam đang hoạt động tính từ niên độ kế toán 2011 đến cuối niên độ kế toán năm 2022. Như vậy, bài viết có 204 biến quan sát (17 ngân hàng * 12 năm = 204) được tổng hợp, xử lý và thiết kế bằng phần mềm Excel phục vụ cho ước lượng bằng phần mềm Stata 16.0 với các phương pháp: Pooled OLS, REM, FEM... và các kiểm định cần thiết để kiểm tra tính vững và hiệu quả nhằm lựa chọn phương pháp ước lượng phù hợp.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Thống kê mô tả

Kết quả thống kê mô tả cho thấy: Khoảng cách giữa giá trị trung bình của khả năng sinh lời (ROA) so với

độ lệch chuẩn có giá trị trung bình là 0.851%, lớn nhất 2.390% với ngân hàng Techcombank (TCB), nhỏ nhất là 0.01% với ngân hàng Lienvietpost bank (LPB) với nguyên nhân chính đến từ lợi nhuận sau thuế. Giá trị độ lệch chuẩn khá thấp so với giá trị trung bình, có thể cho thấy sự ổn định của ROA. Các biến có độ lệch chuẩn thấp: Rủi ro tín dụng (RISK) có thể chỉ ra sự đồng đều trong mức độ rủi ro, Quy mô (SIZE) cho thấy: Sự ổn định về quy mô, hệ số chi phí hoạt động (CIR) chỉ ra sự ổn định trong tỷ lệ chi phí so với doanh thu, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) chỉ ra sự tăng trưởng đều của biến này. Các biến có độ lệch chuẩn vừa phải: Tỷ lệ vốn hóa (CAP), Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) nhưng các biến có độ lệch chuẩn cao: Lãi suất cho vay (RATE), tốc độ tăng trưởng tín dụng (LG) và lạm phát (INF) nó cho thấy có sự biến động lớn của các biến này trong giai đoạn nghiên cứu.

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến

| Biến | Trung bình | Nhỏ nhất | Lớn nhất | Độ lệch chuẩn | Quan sát |
|------|------------|----------|----------|---------------|----------|
| ROA | 0.851 | 0.010 | 2.390 | 0.525 | 204 |
| RATE | 14.911 | 1.064 | 62.541 | 7.743 | 204 |
| CAP | 8.978 | 3.820 | 23.840 | 4.082 | 204 |
| LG | 21.904 | -23.330 | 108.200 | 18.994 | 204 |
| RISK | 2.393 | 0.100 | 8.810 | 1.368 | 204 |
| SIZE | 32.524 | 30.163 | 34.955 | 1.099 | 204 |
| CAR | 13.411 | 4.090 | 38.370 | 4.892 | 204 |
| CIR | 1.659 | 0.583 | 5.196 | 0.554 | 204 |
| GDP | 5.716 | 2.580 | 7.076 | 1.441 | 204 |
| INF | 4.724 | 0.630 | 9.090 | 2.534 | 204 |

4.1.2. Phân tích hệ số tương quan

Bảng 3. Kết quả hệ số tương quan Pearson (r)

| | RATE | CAP | LG | RISK | SIZE | CAR | CIR | GDP | INF |
|------|--------|--------|--------|--------|--------|-------|-----|-----|-----|
| RATE | 1.000 | | | | | | | | |
| CAP | 0.086 | 1.000 | | | | | | | |
| LG | -0.057 | -0.108 | 1.000 | | | | | | |
| RISK | 0.131 | 0.167 | 0.143 | 1.000 | | | | | |
| SIZE | -0.295 | -0.578 | -0.112 | 0.005 | 1.000 | | | | |
| CAR | 0.149 | 0.273 | -0.100 | -0.168 | -0.350 | 1.000 | | | |

| | RATE | CAP | LG | RISK | SIZE | CAR | CIR | GDP | INF |
|-----|-------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|-------|
| CIR | 0.212 | 0.216 | -0.085 | 0.006 | -0.049 | 0.092 | 1.000 | | |
| GDP | 0.053 | -0.099 | 0.132 | -0.175 | 0.022 | -0.012 | -0.003 | 1.000 | |
| INF | 0.555 | 0.141 | 0.019 | 0.130 | -0.277 | 0.029 | -0.091 | -0.081 | 1.000 |

Kết luận: Hiện tượng đa cộng tuyến trở nên nghiêm trọng khi hệ số tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình từ 0.8 trở lên. Dựa vào kết quả ma trận tương quan, hệ số tương quan các biến độc lập trong mô hình đều nhỏ hơn 0.8 nên các biến đều phù hợp để thực hiện

hồi quy.

4.1.3. Kết quả phân tích hồi quy

Kết quả hồi quy bằng các phương pháp, như: Pooled OLS, FEM và REM và có thể thực hiện hồi quy khác sau khi thực hiện các kiểm định nhằm lựa chọn mô hình phù hợp.

Bảng 4. Kết quả hồi quy bằng phương pháp: Pooled OLS, FEM và REM

| Biến | Pooled OLS | FEM | REM |
|----------------------------|------------|-----------|-----------|
| RATE | 0.026*** | 0.028*** | 0.026*** |
| CAP | 0.053*** | 0.031** | 0.051*** |
| LG | 0.006*** | 0.007*** | 0.006*** |
| RISK | -0.073*** | -0.063** | -0.072*** |
| SIZE | 0.122*** | 0.129* | 0.119*** |
| CAR | -0.005 | -0.002 | -0.004 |
| CIR | -0.171** | -0.241*** | -0.182*** |
| GDP | 0.055** | 0.048* | 0.055** |
| INF | -0.062*** | -0.063*** | -0.062*** |
| Kiểm định lựa chọn mô hình | | | |
| F-test | | 0.1919 | |
| Hausman test | | | 0.4923 |

Ghi chú:***; **; * tương ứng mức ý nghĩa thống kê là 1%; 5%; 10%

Kết luận: Kết quả Bảng 4 cho thấy mô hình REM là phù hợp hơn. Tuy nhiên, bài viết sẽ kiểm tra các khuyết tật bằng các kiểm định, như: Hiện tượng

phương sai thay đổi, tự tương quan và đa cộng tuyến và nếu có khuyết tật thì sẽ khắc phục bằng phương pháp FGLS.

Bảng 5. Kết quả kiểm định hiện tượng phương sai thay đổi, tự tương quan và đa cộng tuyến

| Mô hình | Kiểm định | Thống kê | Kết quả |
|---------|----------------------------|---------------------------------------|---|
| ROA | Phương sai thay đổi (Wald) | Prob > chi2 = 0.4877 > $\alpha = 5\%$ | Không có hiện tượng phương sai thay đổi |
| | Tự tương quan (Wooldrige) | Prob > F = 0.0515 > $\alpha = 5\%$ | Không có hiện tượng tự tương quan |
| | Đa cộng tuyến | VIF < 10 | Không có hiện tượng đa cộng tuyến |

Như vậy, sau khi kiểm định các khuyết tật, mô hình không bị các khuyết tật như: Phương sai sai số thay đổi, tự tương quan và đa cộng tuyến. Vì vậy, phương pháp hồi quy REM được lựa chọn cho kết quả cuối cùng và bài viết đi vào phần thảo luận để làm rõ kết quả nghiên cứu.

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Lãi suất cho vay (RATE): Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: Biến RATE có tác động tích cực đến tỷ suất sinh lời với độ tin cậy 99%. Theo tác giả: Thu nhập lớn nhất của ngân hàng thường đến từ thu nhập lãi vay. Vì vậy, nếu ngân hàng tăng lãi suất cho vay

thì họ sẽ thu được nhiều lợi nhuận và nó sẽ làm cho ngân hàng cải thiện tỷ suất sinh lời. Tuy nhiên, nếu ngân hàng tăng lãi suất quá cao thì đôi lúc sẽ có tác dụng ngược vì khách hàng từ chối vay hoặc họ có thể không trả được gốc và lãi nếu đã vay và điều sẽ gây ra nợ quá hạn => Ngân hàng phải trích lập dự phòng => Ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ suất sinh lời [6, 12].

Hàm ý chính sách: Các ngân hàng cần tính toán thật kỹ lãi suất trước khi cho vay hay thay đổi lãi suất khi đã cho vay.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (CAP): Kết quả nghiên cứu cho thấy: Biến CAP có tác động tích cực đến tỷ suất sinh lời với mức ý nghĩa thống kê 1%. Điều này có thể cho biết: Khi tỷ lệ vốn chủ sở hữu ngày càng tăng cao, ngân hàng sẽ chủ động lựa chọn các dự án có hiệu quả để cho vay hay lựa chọn dự án hiệu quả để kinh doanh và điều này giúp họ cải thiện tỷ suất sinh lời [3, 7].

Hàm ý chính sách: Các ngân hàng có nhiều cách tăng vốn chủ sở hữu, như: Phát hành thêm cổ phiếu ra thị trường, bán cổ phần cho đối tác chiến lược trong nước hoặc nước ngoài, hoặc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận của năm trước,...

Tốc độ tăng trưởng tín dụng (LG): Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: Biến LG tác động cùng chiều với tỷ suất sinh lời với độ tin cậy 99%. Đối với NHTM, cho vay có vai trò rất quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận ngân hàng. Theo tác giả: Sau giai đoạn khủng hoảng kinh tế, các ngân hàng chủ động xây dựng các chương trình cho vay với lãi suất hợp lý, đa dạng hóa các sản phẩm cho vay nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp [3, 7].

Rủi ro tín dụng (RISK): Kết quả nghiên cứu cho biết: Biến RISK tác động tiêu cực đến tỷ suất sinh lời với độ tin cậy 99%. Theo tác giả: Để cải thiện tỷ suất sinh lời, các NHTM cần tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, nâng cao năng lực đánh giá, thẩm định, quản trị rủi ro tín dụng để giảm chi phí dự phòng, áp dụng đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm soát tỷ lệ nợ quá hạn ở mức thấp nhất. Đối với các khoản nợ quá hạn phát sinh, NHTM cần có giải pháp và xây dựng phương án để xử lý kịp thời nhằm giảm thiểu tỷ lệ nợ quá hạn, đẩy nhanh thu hồi vốn, tránh tồn đọng.

Quy mô ngân hàng (SIZE): Kết quả nghiên cứu cho

biết: Biến SIZE có tác động cùng chiều (+) đối với tỷ suất sinh lời và có mức ý nghĩa thống kê 1%. Theo tác giả, lý do: Thông thường các ngân hàng có quy mô càng lớn sẽ có khuynh hướng cho vay càng nhiều, vì vậy, nếu ngân hàng kiểm soát và quản lý tốt các khoản cho vay có hiệu quả => Nó sẽ giúp gia tăng lợi nhuận, từ đó cải thiện tỷ suất sinh lời [3, 5, 7, 10, 11, 13, 14].

Hệ số chi phí hoạt động (CIR): Kết quả nghiên cứu cho biết: Biến CIR tác động tiêu cực đến tỷ suất sinh lời với độ tin cậy 99%. Theo tác giả: Những năm gần đây, nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng vẫn đang trải qua rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế và đại dịch Covid19 nhưng lợi nhuận của phần lớn các ngân hàng vẫn có sự tăng trưởng so với năm trước. Có được điều này là nhờ sự linh hoạt chuyển dịch qua hoạt động tín dụng bán lẻ, đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động phi tín dụng, như: Dịch vụ, phân phối bảo hiểm, đầu tư chứng khoán, kinh doanh ngoại hối, thu hồi được nợ xấu và hoàn nhập dự phòng... Bên cạnh đó, các NHTM cũng thực hiện khá nhanh việc chuyển đổi số, cải thiện chất lượng nhân sự để từ đó giảm thiểu các chi phí nên từ đó cải thiện tỷ suất sinh lời [7, 8, 5, 15, 16].

Tốc độ tăng trưởng (GDP): Kết quả nghiên cứu cho biết: Biến GDP tác động tích cực đến tỷ suất sinh lời với độ tin cậy 95%. Theo tác giả, khi nền kinh tế tăng trưởng, các doanh nghiệp và cá nhân thường đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tiêu dùng nên nhu cầu vay vốn khá cao. Bên cạnh đó, họ cũng có điều kiện để thanh toán các khoản nợ và gốc đúng hạn. Chính những điều này giúp ngân hàng cải thiện tỷ suất sinh lời [3, 4, 6, 7, 17, 18].

Lạm phát (INF): Kết quả nghiên cứu cho biết: Biến INF tác động tiêu cực đến tỷ suất sinh lời với độ tin cậy 99%. Theo tác giả: Nếu lạm phát tăng lên thì các ngân hàng sẽ tăng lãi suất huy động cũng như cho vay nên khách hàng sẽ có xu hướng hạn chế vay và chính điều này làm giảm lợi nhuận ngân hàng và từ đó cũng làm giảm tỷ suất sinh lời [4, 6, 7, 10, 18, 19].

Hàm ý chính sách: Các ngân hàng cần dự báo sớm tỷ lệ lạm phát, từ đó có thể điều chỉnh lãi suất phù hợp để linh hoạt trong hoạt động cho vay nhằm tăng lợi nhuận cho ngân hàng góp phần nâng cao tỷ suất sinh lời.

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR): Bài viết chưa cung cấp đủ

bằng chứng khoa học về sự tác động của tỷ lệ an toàn vốn đối với tỷ suất sinh lời với biến đại diện là ROA.

5. KẾT LUẬN

Bài viết đã làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời của các Ngân hàng thương mại Việt

Nam sau khi thực hiện hồi quy cũng như các kiểm định cần thiết. Từ kết quả nghiên cứu và thảo luận kết quả nghiên cứu, bài viết cũng đề xuất một số hàm ý chính sách với mục tiêu nâng cao tỷ suất sinh lời cho các ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu và rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Greuning, Van. H., & Brajovic, B. S., *Analyzing and Managing Banking Risk, A Framework for Assessing Corporate Governance and Financial Risk. Universiteitsbibliotheek Gent: World Bank Publications, 2003.*
- [2] Nguyễn Văn Tiến, *Giáo trình nguyên lý và nghiệp vụ ngân hàng*. Hà Nội: NXB Thống kê, 2013.
- [3] Toto, S., Novita. S and Rina. N., "Factors Affecting the Financial Performance of Rural Banks in Indonesia", *International Journal of Business and Management Science*, ISSN 1985-692X, 2018.
- [4] Brahmaiah, B., and Ranajee, "Factors Influencing Profitability of Banks in India", *Theoretical Economics Letters*, 8, 3046- 3061, 2018. doi: 10.4236/tel.2018.814189
- [5] Ranabhat, D., "Effects of Internal Factors on Financial Performance of Joint Venture Banks in Nepal", *The Journal of Nepalese Business Studies*, Vol. XII No. 1 December, 2019.
- [6] Sarkar, S., and Debdas. R., Factors Influencing the Performance of Commercial Banks: A Dynamic Panel Study on India, First Published June 25, 2021.
- [7] Kryeziu, N., & Hoxha, E., "Factors affecting on bank's profitability: the case of 19 Euro-Area countries", *Journal Perspektif Pembiayaan Dan Pembangunan Daerah*, 9(1), 1 – 8, 2021. <https://doi.org/10.22437/ppd.v9i1.12165>.
- [8] Ngweshemi, L, E., and Isiksal, A, Z., "Analysis of the Factors Affecting Bank Profitability: Evidence of Tanzania Commercial Banks", *Sustainable Economic Development: Pattern and Perspective*, Vol. 39 No. 8, 2021.
- [9] Trịnh Quốc Trung và Nguyễn Văn Sang, "Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam", *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, Số 85, trang 11-15, 2013.
- [10] Trần Huy Hoàng và Nguyễn Hữu Huân, "Phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong thời kỳ hội nhập tài chính quốc tế". *Science & Technology Development*, Vol 19, No Q1, 2016.
- [11] Đặng Thị Minh Nguyệt, Phạm Thu Trang và Nguyễn Bích Ngọc, "Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại Nhà nước ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Ngân hàng*, số 15, 2021.
- [12] Tunali, D., Iklar, E., & Tekn, L., "Factors Affecting The Performance Of Turkish Banks, Proceedings of International Academic Conferences 1003483", *International Institute of Social and Economic Sciences*, 1178-1178, 2015.
- [13] Elouali, J., and Oubdi. L., "Factors Affecting Bank Performance: Empirical Evidence from Morocco", *European Scientific Journal*. Vol.14, No.34 ISSN: 1857 – 7881 (Print) e - ISSN 1857-7431, 2018.
- [14] Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Thùy Dương, Phạm Thị Hồng Quyên, "Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại giai đoạn 2017-2020", *Tạp chí Tài chính*, số 766, 73-76, 2022.
- [15] Lema, D., "Factors affecting performance of commercial banks in Tanzania: A Case of Commercial Banks in Dar es Salaam", *Master of Business Administration Corporate Management URI*, 2019: <http://hdl.handle.net/11192/405>.
- [16] Rina, A, K., and Yovin, "Factors Affecting Bank Performance: Cases of Top 10 Biggest Government and Private Banks in Indonesia in 2004 – 2013", *Review of Integrative Business and Economics Research*, Vol. 5, no. 4, pp.371-378, October 2016.
- [17] Bekana, D., "Factors Affecting the Performance of Commercial Banks (A Case Study on Commercial Banks in Ethiopia: CAMEL Ratings", *Article in research Journal of Finance and*

Accounting, Vol.11, No.5, 2021.

[18] Duygu, T., Eme, I., and Lknur, T., "Factors affecting the performance of Turkish Banks, proceedings of International Academic Conferences 1003483", *International Institute of*

Social and Economic Sciences, 2015.

[19] Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cảnh, Đa dạng hóa thu nhập và các yếu tố tác động đến tỷ suất sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam, 2015.

Factors affecting the return on total assets: The case of Vietnamese commercial banks

Vo Minh Long and Nguyen Tan Luong

ABSTRACT

The article clarifies the impact of factors on the rate of return on total assets of Vietnamese commercial banks. Based on the research results, the author proposes some management implications to improve profitability on total assets and competitiveness of Vietnamese commercial banks in the future. The research results show the level of influence of factors affecting the return on total assets of Vietnamese commercial banks in descending order as follows: CIR - Operating cost coefficient; SIZE- Bank Size; RISK- Credit risk; INF- Inflation; GDP- Economic growth rate; CAP- Equity ratio; RATE- interest rates; LG- Credit growth rate; CAR - Capital adequacy ratio does not affect the rate of return on total assets of Vietnamese commercial banks but CIR - Operating cost coefficient; RISK- Credit risk and INF- Inflation negatively affect the return on total assets of Vietnamese commercial banks.

Keywords: *return on total assets, Vietnamese commercial banks, factors affecting the return on total assets*

Received: 10/02/2024

Revised: 01/03/2024

Accepted for publication: 03/03/2024